

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HC-PT
Ngày 09/01/2024
V/v khiếu kiện hành vi hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Nguyễn Phan Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy - Thư ký viên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 551/2023/TLPT-HC ngày 25/7/2023 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 258/2022/HC-ST ngày 12/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15067/2023/QĐ-PT ngày 25/12/2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện T, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị kiện: UBND huyện T;

+ Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh T - Phó chủ tịch; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. UBND thành phố H;

+ Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Trọng Đ – Phó chủ tịch; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. UBND xã T, huyện T; vắng mặt người đại diện và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà Nguyễn Thanh Q trình bày:

Theo kết luận nội dung tố cáo số 59/KL- UBND ngày 15/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H có nội dung chỉ đạo UBND huyện T, chỉ đạo UBND xã T căn cứ vào hồ sơ kiểm đếm thiệt hại đã xác lập, công khai về thiệt hại đối với tài sản, hoa màu của gia đình bà Nguyễn Thanh Q, chỉ đạo thôn M hỗ trợ, đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình bà Q.

UBND xã T đã thực hiện việc kiểm đếm nhưng gian lận bồi thường cho gia đình bà, ép gia đình bà nhận 1.415.000 đồng; UBND xã T không có tinh thần kiểm điểm trách nhiệm về việc đã xảy ra; áp giá tài sản là không đúng; việc xác định giá trị tài sản, hoa màu bị thiệt hại để bồi thường hỗ trợ là 1.415.000 đồng là không đúng; số tiền hỗ trợ là 30 triệu đồng, gia đình bà không đồng ý nên không nhận.

Bà Q cho rằng UBND huyện T có chỉ đạo nhưng không quyết liệt thực hiện Kết luận số 59/KL-UBND của Chủ tịch UBND thành phố H, dẫn đến gia đình bà bị thiệt hại. Bà cho rằng Chủ tịch UBND huyện T không thực hiện kết luận của Chủ tịch UBND thành phố H; trong 5 nội dung tại Kết luận của Chủ tịch UBND thành phố H thì Chủ tịch UBND huyện T và UBND xã T chưa thực hiện xong nội dung nào.

Bà Q khởi kiện hành vi của UBND huyện T không xử lý dứt điểm Kết luận số 59/KL-UBND; yêu cầu bồi thường thiệt hại cho gia đình bà 500 triệu đồng.

- UBND huyện T trình bày: Về việc thực hiện Kết luận số 59/KL-UBND ngày 5/7/2017 của chủ tịch UBND thành phố H:

+ *Đối với nội dung yêu cầu UBND huyện T chỉ đạo UBND xã T căn cứ hồ sơ, tài liệu, kiểm đếm thiệt hại đã xác lập, công khai thiệt hại đối với tài sản, hoa màu của hộ gia đình bà Nguyễn Thanh Q, chỉ đạo thôn M hỗ trợ, đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình bà Q; kết quả thực hiện:*

UBND xã T đã chỉ đạo, phối hợp cùng cơ sở thôn M nhiều lần tổ chức hội nghị để thực hiện việc công khai và chi trả bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về hoa màu, tài sản của bà Nguyễn Thanh Q theo hồ sơ đã xác lập, Biên bản kiểm đếm ngày 13/4/2015 giữa UBND xã T, cơ sở thôn M và gia đình bà Nguyễn Thanh Q tại thực địa (đã được xác định giá trị tài sản, hoa màu bị thiệt hại để bồi thường hỗ trợ là 1.415.000 đồng); đồng thời, đề nghị bà Nguyễn Thanh Q làm đơn đề xuất bồi thường, hỗ trợ theo nguyện vọng của gia đình, trên cơ sở đó UBND xã T xem xét giải quyết. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thanh Q không có đơn đề xuất gửi UBND xã để được xem xét, giải quyết mà chỉ yêu cầu bồi thường, hỗ trợ là 200.000.000 đồng.

Căn cứ vào các mục kê khai yêu cầu bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về tài sản, hoa màu của bà Nguyễn Thanh Q tại Biên bản làm việc ngày 13/4/2015,

UBND xã T đã thông nhất ngoài phần chi trả bồi thường hỗ trợ theo hồ sơ đã được xác lập, UBND xã T bồi thường, hỗ trợ về tài sản, hoa cho hộ gia đình bà Nguyễn Thanh Q với số tiền là 30.000.000 đồng (Theo Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 của UBND xã T). Tại buổi làm việc ngày 18/5/2019, bà Nguyễn Thanh Q không nhận số tiền 30.000.000 đồng; ngày 22/5/2019, UBND xã đã nộp số tiền này vào tài khoản số 3723.0.1007179.00000 tại kho bạc Nhà nước huyện T và ban hành Thông báo số 39/TB-UBND ngày 25/5/2019 để bà Nguyễn Thanh Q biết.

+ *Đối với nội dung yêu cầu Chủ tịch UBND huyện T chỉ đạo UBND xã T Hủy bỏ hợp đồng số 10/HĐKT-UB ngày 26/11/2010 của UBND xã T; thực hiện việc quản lý, sử dụng quỹ đất công theo quy định; kết quả thực hiện:*

Ngày 17/7/2017, UBND xã T đã ban hành Thông báo số 29/TB-UBND về việc hủy bỏ Hợp đồng số 10/HĐKT-UB ngày 26/11/2010 của UBND xã T.

+ *Đối với nội dung yêu cầu Chủ tịch UBND huyện T chỉ đạo UBND xã T tổ chức kiểm điểm làm rõ sai phạm của tập thể, cá nhân thuộc UBND xã T trong việc buông lỏng quản lý đất đai để thôn M cho thuê thầu đất công trái quy định và tổ chức cưỡng chế giải tỏa gây thiệt hại đến tài sản, hoa màu của công dân thôn M; không xử lý dứt điểm vi phạm về đất đai, xây dựng tại khu đất Ao làng; kết quả thực hiện:*

Ngày 31/7/2017, UBND xã T đã tổ chức Hội nghị kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân để xảy ra sai phạm có liên quan; cụ thể, đã kiểm điểm sâu sắc đối với tập thể UBND xã T; 5 cá nhân bị xử lý kỷ luật với hình thức kiểm điểm sâu sắc là ông Nguyễn Quang V - Chủ tịch UBND xã, ông Trương Công Ph - Phó Chủ tịch UBND xã, ông Nguyễn Thanh T và ông Đoàn Quang H - Công chức Địa chính xây dựng xã, bà Dương Thị Kim V - Công chức Kế toán ngân sách xã.

+ *Đối với nội dung Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện T chỉ đạo UBND xã T kiểm điểm và có hình thức xử lý đối với ông Lê Văn L - Trưởng thôn M, bà Lê Thị L - Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn M trong việc tổ chức cưỡng chế giải tỏa gây thiệt hại đến tài sản, hoa màu của công dân thôn M; kết quả thực hiện:*

Ngày 10/8/2017, UBND xã T ban hành Quyết định số 81/QĐ-UBND cho thôi chức Trưởng thôn đối với ông Lê Văn L.

+ *Đối với nội dung yêu cầu UBND huyện T giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T kiểm tra, rà soát, tham mưu UBND huyện ra Quyết định thu hồi đất các thửa đất vi phạm tại khu vực Ao làng thôn M, xã T theo quy định; kết quả thực hiện:*

Thực hiện Kết luận số 59/KL-UBND ngày 05/7/2017 của chủ tịch UBND thành phố H; Văn bản số 5881/TTTP-P5 ngày 3/12/2018 và Văn bản số 4062/TTTP-P5 ngày 28/8/2019 của Thanh tra thành phố H; Văn bản số 7803/VPĐT ngày 21/8/2019 của Văn phòng UBND thành phố, UBND huyện T đã giao Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn UBND xã T kiểm tra, rà soát, lập hồ sơ xử lý đối với 36 trường hợp vi phạm về đất đai tại thôn M, xã T theo Kết luận số 59/KL-UBND ngày 05/7/2017 của UBND Thành phố. Đồng

thời, UBND huyện đã có báo cáo số 367/BC-UBND ngày 9/9/2019 về kết quả xử lý đối với 36 trường hợp vi phạm về đất đai tại thôn M, xã T; Kết quả xử lý như sau:

Qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất tại vị trí các thửa đất đối với 36 trường hợp vi phạm tại khu Ao làng, thôn M; đối chiếu với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng chung của huyện T đến năm 2030 đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt thì các vị trí trên được quy hoạch là đất ở (khu dân cư nông thôn).

Có 13 trường hợp đã xây dựng nhà ở và các công trình phụ trợ, lều lán tạm; trong đó, có 3 trường hợp đã xây dựng công trình sử dụng làm nhà ở, thời điểm xây dựng trước 01/7/2014, không vi phạm đến hành lang các công trình công cộng. UBND xã đã thông báo, hướng dẫn để các trường hợp đến kê khai, lập các thủ tục, hồ sơ xử lý, xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và các quyết định của UBND Thành phố. Đến nay, các hộ đã kê khai, UBND xã đang hướng dẫn các hộ lập các thủ tục hồ sơ có liên quan để xét duyệt, trình UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ đủ điều kiện. Có 10 trường hợp có công trình là nhà ở, lều, lán tạm, thời điểm xây dựng công trình sau 1/7/2014, không đủ điều kiện xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; UBND xã đã cho các hộ kê khai tại xã và hướng dẫn để làm thủ tục xác nhận đăng ký đất đai cho người sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

Có 23 trường hợp còn lại, qua kiểm tra hiện trạng xác định các thửa đất trên không có công trình, đất trống; UBND xã T đã cho các hộ kê khai tại xã, hướng dẫn lập thủ tục xác nhận đăng ký đất đai cho người sử dụng đất theo hiện trạng sử dụng đất tại Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện T.

Hiện nay, UBND huyện đang tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp, hướng dẫn UBND xã T để xử lý dứt điểm các trường hợp vi phạm tại khu Ao làng, thôn M, xã T.

Trên cơ sở đánh giá khách quan toàn bộ vụ việc, trong đó có việc UBND huyện T chỉ đạo UBND xã T, Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nội dung chỉ đạo xử lý tại Kết luận số 59/KL-UBND ngày 5/7/2017 của UBND thành phố H kết luận nội dung tố cáo đối với ông Lê Văn S - nguyên Chủ tịch UBND xã T; UBND huyện T đã thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kết luận số 59/KL-UBND ngày 5/7/2017 của UBND thành phố H. Việc bà Nguyễn Thanh Q cho rằng UBND huyện T không thực hiện Kết luận nội dung tố cáo số 59/KL-UBND ngày 05/7/2017 của chủ tịch UBND thành phố H là không có căn cứ pháp lý.

- UBND xã T thống nhất nội dung trình bày của UBND huyện T.

- Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố H không có ý kiến nào khác với quan điểm đã thể hiện tại Kết luận số 36/KL-UBND ngày 26/4/2018 của UBND thành phố H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 258/2022/HC-ST ngày 12/10/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ Điều 3; Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015; Luật Khiếu nại 2011; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh Q về việc khởi kiện Hành vi hành chính không thực hiện Kết luận số 59/KL-UBND ngày 05/7/2017 của UBND thành phố H.

2. Bác yêu cầu buộc UBND huyện T phải bồi thường thiệt hại về tài sản là 500.000.000 đồng.

3. Bà Nguyễn Thị Thanh Q phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0020042 ngày 12/3/2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2022, bà Nguyễn Thanh Q có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 258/2022/HC-ST ngày 12/10/2022 và cho rằng quyết định của bản án sơ thẩm chưa bảo đảm công bằng, công lý.

Ngày 22/8/2023, Đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố H có Văn bản số 2675/UBND-BTCD đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; đồng thời, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vắng mặt đại diện của UBND thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 158 và khoản 1 Điều 168 Luật Tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Về hình thức, đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thanh Q là hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung, bà Nguyễn Thanh Q cho rằng UBND huyện T đã không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ Kết luận số 59/KL-UBND ngày 05/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà là không có cơ sở; yêu cầu bồi thường 500.000.000 đồng cũng không có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Q không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thanh Q, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thanh Q có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các điều 205, 206, 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, tại đơn khởi kiện ngày 08/01/2020, bà Nguyễn Thanh Q khởi kiện UBND huyện T về việc không xử lý dứt điểm Kết luận 59/KL-UBND ngày 05/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H và đề nghị giải quyết bồi thường thiệt hại cho gia đình bà số tiền là 500.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Q xác nhận bà khởi kiện việc UBND huyện T về việc không thực hiện Kết luận 59/KL-UBND nêu trên; bà Q cho rằng mọi chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố H đều liên quan đến quyền lợi của bà và gia đình bà. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là hành vi không thực hiện Kết luận 59/KL-UBND, người bị kiện là UBND huyện T; đồng thời giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Q là phù hợp với các yêu cầu khởi kiện; phù hợp với quy định tại Điều 8 Luật Tố tụng hành chính về quyền quyết định tự định đoạt của người khởi kiện.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ thể hiện ngày 14/5/2019, UBND xã T ban hành Quyết định số 70/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Q 30.000.000 đồng; tại buổi làm việc ngày 18/5/2019, bà Q không nhận số tiền này; UBND xã T đã gửi số tiền này vào Kho bạc nhà nước huyện T và ban hành Thông báo số 39/TB-UBND ngày 25/5/2019 để bà Q biết. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của bà Q bảo đảm về thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính là đúng.

[4] Xét các nội dung phải thực hiện theo yêu cầu của Chủ tịch UBND thành phố H tại Kết luận 59/QĐ-UBND, thấy rằng, Chủ tịch UBND thành phố H giao Chủ tịch UBND huyện T chỉ đạo UBND xã T và Phòng Tài Nguyên và Môi Trường thực hiện một số nhiệm vụ. Như vậy, trách nhiệm trong việc chỉ đạo thực hiện Kết luận 59/KL là của Chủ tịch UBND huyện T mà không phải là UBND huyện T. Tuy nhiên, thấy rằng bên cạnh trách nhiệm của cá nhân có trách nhiệm của tập thể; đồng thời với hiểu biết về pháp luật của người dân thì cũng khó phân biệt rạch ròi đâu là trách nhiệm của Chủ tịch UBND, đâu là trách nhiệm của UBND. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, xem xét trách nhiệm của UBND huyện T trong việc thực hiện Kết luận 59/KL-UBND để kịp thời bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người dân (nếu có vi phạm) và để việc khiếu kiện không bị kéo dài là cần thiết.

[5] Đối với nội dung yêu cầu chỉ đạo UBND xã T căn cứ hồ sơ, tài liệu, kiểm đếm thiệt hại đã xác lập, công khai thiệt hại đối với tài sản, hoa màu của hộ gia đình bà Nguyễn Thanh Q, bảo đảm quyền lợi cho hộ gia đình bà Q, thấy rằng quá trình thực hiện, UBND xã T đã phối hợp cùng cơ sở thôn M tổ chức hội nghị để thực hiện việc công khai và chi trả bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về hoa màu, tài sản của bà Nguyễn Thanh Q; theo hồ sơ đã xác lập, Biên bản kiểm đếm ngày 13/4/2015 giữa UBND xã T, cơ sở thôn M và gia đình bà Nguyễn Thanh Q tại thực địa đã được xác định giá trị tài sản, hoa màu bị thiệt hại để bồi

thường hỗ trợ là 1.415.000 đồng; đồng thời, đề nghị bà Nguyễn Thanh Q làm đơn đề xuất bồi thường, hỗ trợ theo nguyện vọng của gia đình. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thanh Q không có đơn đề xuất gửi UBND xã để được xem xét, giải quyết mà chỉ yêu cầu bồi thường, hỗ trợ là 200.000.000 đồng.

[6] Căn cứ vào các mục kê khai yêu cầu bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về tài sản, hoa màu của bà Nguyễn Thanh Q tại Biên bản làm việc ngày 13/4/2015, UBND xã T đã thống nhất ngoài phần chi trả bồi thường hỗ trợ theo hồ sơ đã được xác lập, UBND xã T bồi thường, hỗ trợ về tài sản, hoa màu cho hộ gia đình bà Nguyễn Thanh Q với số tiền là 30.000.000 đồng. Tại buổi làm việc ngày 18/5/2019, bà Nguyễn Thanh Q không nhận số tiền 30.000.000 đồng; ngày 22/5/2019, UBND xã đã nộp số tiền này vào tài khoản số 3723.0.1007179.00000 tại Kho bạc Nhà nước huyện T và ban hành Thông báo số 39/TB-UBND ngày 25/5/2019 để bà Nguyễn Thanh Q biết.

[7] Như vậy, đối với nội dung này, UBND xã T đã triển khai thực hiện theo Kết luận 59/KL-UBND. Trường hợp bà Quyên không đồng ý về mức bồi thường, không đồng ý về trình tự, thủ tục bồi thường (vì cho rằng không minh bạch) thì bà Q có quyền khiếu kiện cơ quan có thẩm quyền giải quyết bồi thường để được xem xét, giải quyết lại chứ không phải khiếu kiện cơ quan đã đơn đốc, chỉ đạo thực hiện Kết luận 59/KL-UBND. Cùng với việc yêu cầu giải quyết lại bồi thường (nếu có), bà Q cần xuất trình các tài liệu, chứng cứ để chứng minh mức thiệt hại mà bà yêu cầu, làm cơ sở cho việc giải quyết đền bù.

[8] Đối với nội dung yêu cầu chỉ đạo UBND xã T Hủy bỏ hợp đồng số 10/HĐKT-UB ngày 26/11/2010 của UBND xã T; thực hiện việc quản lý, sử dụng quỹ đất công theo quy định, ngày 17/7/2017, UBND xã T đã ban hành Thông báo số 29/TB-UBND về việc hủy bỏ Hợp đồng số 10/HĐKT-UB ngày 26/11/2010 của UBND xã T.

[9] Đối với nội dung yêu cầu chỉ đạo UBND xã T tổ chức kiểm điểm làm rõ sai phạm của tập thể, cá nhân thuộc UBND xã T trong việc buông lỏng quản lý đất đai để thôn M cho thuê thầu đất công trái quy định và tổ chức cưỡng chế giải tỏa gây thiệt hại đến tài sản, hoa màu của công dân thôn M; không xử lý dứt điểm vi phạm về đất đai, xây dựng tại khu đất Ao làng, theo trình bày của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì ngày 31/7/2017, UBND xã T đã tổ chức Hội nghị kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân để xảy ra sai phạm có liên quan; cụ thể, đã kiểm điểm sâu sắc đối với tập thể UBND xã T; 5 cá nhân bị xử lý kỷ luật với hình thức kiểm điểm sâu sắc là ông Nguyễn Quang V - Chủ tịch UBND xã, ông Trương Công Ph - Phó Chủ tịch UBND xã, ông Nguyễn Thanh T và ông Đoàn Quang H - Công chức Địa chính xây dựng xã, bà Dương Thị Kim V - Công chức Kế toán ngân sách xã; ngày 10/8/2017, UBND xã T ban hành Quyết định số 81/QĐ-UBND cho thôi chức Trưởng thôn đối với ông Lê Văn L. Như vậy, việc xem xét trách nhiệm của tập thể, cá nhân có sai phạm đã được thực hiện; tuy nhiên, đây là việc xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân do có sai phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà Q cho rằng có tập thể, cá nhân gây thiệt hại cho gia đình bà

và phải bồi thường thì bà có quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng phải xác định rõ chủ thể nào gây thiệt hại và các căn cứ để xác định thiệt hại. Trường hợp bà cho rằng có cá nhân sai phạm nghiêm trọng nhưng chưa bị xử lý thỏa đáng thì bà có thể đề nghị các cơ quan hành chính xem xét theo quy định của Luật Tố cáo hoặc đề nghị Viện kiểm sát, Công an xem xét theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự (nếu có dấu hiệu tội phạm).

[10] Đối với nội dung yêu cầu chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T kiểm tra, rà soát, tham mưu UBND huyện ra Quyết định thu hồi đất các thửa đất vi phạm tại khu vực Ao làng thôn M, xã T theo quy định, các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện UBND huyện T đã giao Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn UBND xã T kiểm tra, rà soát, lập hồ sơ xử lý đối với 36 trường hợp vi phạm về đất đai tại thôn M, xã T theo Kết luận số 59/KL-UBND ngày 05/7/2017 của UBND Thành phố. Đồng thời, UBND huyện đã có Báo cáo số 367/BC-UBND ngày 09/9/2019 về kết quả xử lý đối với 36 trường hợp vi phạm về đất đai tại thôn M, xã T. Như vậy, việc bà Q cho rằng nội dung này chưa được UBND huyện T thực hiện là không đúng. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính thì hành vi hành chính bị khiếu kiện trong vụ án hành chính là hành vi của cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Việc bà Q cho rằng công tác quản lý đất đai tại xã T, huyện T bị buông lỏng, có việc bao che, tiếp tay cho 36 hộ dân lấn chiếm đất đai (nếu có) thì có thể được giải quyết theo quy định của Luật Đất đai, Luật Tố cáo hoặc pháp luật hình sự.

[11] Về yêu cầu được bồi thường 500.000.000 đồng, căn cứ quy định tại Điều 7 Luật Tố tụng hành chính và đơn khởi kiện thì việc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và có phán quyết về yêu cầu này là có cơ sở; tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá, nhận định về yêu cầu này trước khi đưa ra quyết định là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bà Nguyễn Thanh Q yêu cầu bồi thường 500.000.000 đồng nhưng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ làm căn cứ để xác định thiệt hại, hành vi có lỗi và chủ thể gây thiệt hại cũng như mối liên hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi có lỗi của chủ thể gây thiệt hại. Bởi vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà Q là đúng.

[12] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thanh Q. Tuy nhiên, trong bản án sơ thẩm vừa sử dụng tên của người khởi kiện là “Nguyễn Thanh Q”, vừa sử dụng tên là “Nguyễn Thị Thanh Q”; căn cứ vào căn cước của người khởi kiện và xác nhận của bà Q tại phiên tòa phúc thẩm thì bà Q chỉ có một họ tên đầy đủ là “Nguyễn Thanh Q”. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉnh lý lại tên gọi của bà Q để bảo đảm chính xác.

[13] Về án phí, do không được chấp nhận kháng cáo, căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà Q phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính bác kháng cáo của bà Nguyễn Thanh Q.

2. Căn cứ Điều 3; Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015; Luật Khiếu nại 2011; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh Q về việc khởi kiện hành vi hành chính không thực hiện Kết luận số 59/KL-UBND ngày 05/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H.

- Bác yêu cầu buộc UBND huyện T phải bồi thường thiệt hại về tài sản là 500.000.000 đồng.

3. Bà Nguyễn Thanh Q phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0020042 ngày 12/3/2020 và biên lai thu tiền số AA/2021/0001768 ngày 16/6/2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND TP. Hà Nội;
- Cục THADS TP. Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP (VP), HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Chu Thành Quang